TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-10-2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thành Nhơn;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mý;

2. Ông Phan Đình Thắm.

- Thư ký phiên tòa: ông Đinh Thành Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Kim Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị Thanh Th; địa chỉ: tổ dân phố M, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; có mặt.

2. Bị đơn: anh Trần Long B; địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 29-01-2018, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Trần Long B tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28-9-2015 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống, anh B là người gia trưởng, không yêu thương, thường hắt hủi, mắng chửi chị, không lo lắng, chăm sóc cho gia đình. Ngoài ra anh B còn xúc phạm bố mẹ chị, không tôn trọng gia đình bên ngoại. Chị đã ly thân không sống chung với anh B từ tháng 02-2018 đến nay. Đến nay chị cảm thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa chị và anh B đã thực sự trầm trọng, không thể

tiếp tục sống chung nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Chị đã được phân tích về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng; được động viên, hòa giải đoàn tụ nhưng chị không chấp nhận.

Chị và anh B chưa có con chung, không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 05-4-2018, bị đơn anh Trần Long B trình bày:

Anh đồng ý với nội dung mà chị Th đã trình bày trong đơn khởi kiện. Anh và chị Th tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28-9-2015 tại UBND thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, anh chị thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, không thông cảm, chia sẻ được với nhau. Anh và chị Th đã ly thân không sống chung từ tháng 02-2018 đến nay. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Th. Anh và chị Th chưa có con chung, không có tài sản chung, nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Ia Grai đã xác định quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th; về con chung, tài sản chung không xem xét; chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Trần Long B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh B là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Th và anh B tự nguyện đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 17 Luật Hộ tịch, đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận.

Chị Th và anh B đều thừa nhận anh chị đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, không thể hòa giải được. Hiện nay anh chị không còn sống chung. Anh B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Th. Như vậy, theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị Th là có

thật, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, cho chị Th và anh B ly hôn.

[3] Về con chung và tài sản chung: chị Th, anh B không có con chung, không có tài sản chung và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về án phí: chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Trần Thị Thanh Th và anh Trần Long B ly hôn.

2. Về án phí: chị Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004674 ngày 05-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15-10-2018), các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02b);
- TAND tỉnh Gia Lai (01b);
- VKSND tỉnh Gia Lai (01b);
- VKSND huyện Ia Grai (01b);
- CCTHADS huyện Ia Grai (01b);
- Lưu: HSVA, VT-LT (02b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Thành Nhơn